

Số: 09/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 317/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988;

2. Anh Đào Văn H1, sinh năm 1992;

Đều HKTT: Số nhà B nhà C, phường N, tỉnh Ninh Bình;

Đều tạm trú: Ngõ C, đường C, tổ I, phường T, tỉnh Hưng Yên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) ngày 10/4/2013, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng trong tính cách, quan điểm sống, đến thời điểm hiện tại, cả chị H và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, yêu cầu công nhận

thuận tình ly hôn của chị H và anh H1 là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Đào Văn H1 và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Đào Duy A, sinh ngày 02/9/2009 và Đào Bảo A1, sinh ngày 14/9/2013. Ly hôn, anh H1 và chị H thống nhất thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dạy hai con Đào Duy A và Đào Bảo A1. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn H1 không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn H1 chấp nhận nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013 do UBND phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay phường N, tỉnh Ninh Bình) ngày 10/4/2013 không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Anh Đào Văn H1 và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Đào Duy A, sinh ngày 02/9/2009 và Đào Bảo A1, sinh ngày 14/9/2013. Ly hôn, anh H1 và chị H thống nhất thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dạy hai con Đào Duy A và Đào Bảo A1. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết. Anh Đào Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn H1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H, anh H1 đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004452 ngày 31/12/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Hưng Yên sang thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5,
tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:
Ủy ban nhân dân phường
Nguyễn Du, thành phố Nam Định,
tỉnh Nam Định; (nay là phường
Nam Định, tỉnh Ninh Bình);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh